

TRẦN HUIỀN ÂN



## TIẾNG ĐÀN NƠI PHỐ CŨ

Ở đây, tất cả đều đã cũ. Núi và sông, tất nhiên quá cũ và không ai biết có tự đời nào. Ngọn tháp rêu phong, dầu so tuổi tác với núi sông không đáng bao nhiêu, cũng đã là tháp cũ. Dưới chân núi, lượn theo bờ sông, con đường cũ, khuất bóng hàng tre đầy những lá khô. Bến cũ, nơi bãi cát mỗi ngày mỗi bồi cao, bao năm rồi không còn thuyền đậu. Chợ cũ, một khoảnh đất sỏi sạn, nơi chiều chiều trẻ con nô đùa. Đình cũ, dấu tích còn sót lại dưới gốc si già là bức án phong xây gạch, con kỳ lân đắp nổi đã long lở gần hết, thành con kỳ lân vừa mù vừa què. Chạy từ chợ cũ đến bến cũ, chừng vài trăm mét, chính là phố cũ. Những bước tường đá xây dày, những gian nhà lợp ngói âm dương.

Những người dân phố cũ thường nhắc chuyện cũ nơi này, tất cả mang dáng vẻ sầm uất, thanh lịch của một thời phủ lệ.

Hồi ấy, chợ Dinh đông lắm, ca dao đã ghi nhận:

Chợ phiên Dinh nẫu họp buổi chiều

Cũng lắm người bán, cũng nhiều người mua.

Hồi ấy, những buổi xuân kỳ thu tế, những cuộc hát làng, tiếng trống từ mái đình, sân đình vang lên, dàn trải theo làn nước mặt sông vọng mãi thật xa. Hồi ấy, cây núi còn rậm rạp, những nhà ven chân núi thường bị bão khỉ kéo xuống phá

phách. Cũng hồi ấy, những cậu học trò trốn học thường rủ nhau lên núi hái trái cây và tìm nơi bóng mát ngồi nhìn khắp nơi. Kìa là cửa sông, cồn Ngọc xanh xanh, biển viền sóng trắng, kìa là đồng ruộng, núi Chóp ở gần, núi Bía ở xa... Một cái gì đó, bao la quá, mênh mông quá, ngập tràn những tấm lòng thơ ấu.

Phố cũ bắt đầu tiêu điều từ ngày chiến tranh tiêu thổ. Những mái nhà nghiêng sứt, những đoạn đường tróc lở. Nhưng cảnh hoang tàn ấy khiến cho nó có vẻ như cứng cáp, gan góc, cố chịu đựng chờ dịp phục hồi tư thế.

Thật ra, phố cũ cũng mấy lần toan tính vươn lên, để trẻ lại, để đổi mới. Một lần sau đình chiến 1954. Một lần sau hòa bình 1975. Nhưng cuối cùng đành thú nhận sự già nua của mình. Đất thì hẹp, đường thì cùng, phố cũ tiếp tục chìm trong quên lãng, bởi nó nằm ngoài rìa bản đồ quy hoạch.

\*\*\*

Chứng nhân của phố cũ là một ông giáo già đã sống suốt cuộc đời ở đây. Những buổi trưa rảnh rỗi, để trốn cái nóng bức, ông Giáo đem võng ra cột nơi gốc si đình cũ hóng mát. Vừa đưa võng, vừa nghĩ vẩn vơ, tay ông cầm cành que nhỏ cạy lớp rêu phong phủ đầy trên tượng kỳ lân. Dần dần con kỳ lân lộ rõ. Chột mắt, què chân, nhưng khi đã sạch sẽ, tươi tắn, nó vẫn còn vẻ oai phong.

Chiều hôm ấy, ông Giáo trò chuyện với con kỳ lân hơi lâu. Bỗng một người dò dẫm qua sân đình cũ. Người ấy cũng trạc tuổi ông Giáo, đôi mắt mờ lòa, mang cây đàn bầu, sờ soạn ngồi xuống một rế si lớn. Biết có người đâu đó, ông ta nói vài câu bâng quơ để bắt chuyện, nhưng ông Giáo lặng thinh. Ông ta nâng cây đàn lên, đặt đúng vị thế, thử dây.

Ông Giáo nói:

– Ông đừng đồn làm chi. Ở đây không có ai cả. Tôi không biết nghe đồn. Tôi cũng không có gì.

Người ôm đàn thấy vui vui. Ông ta đã nghe được tiếng nói, đoán được tuổi người. Ông ta cười:

– Tôi đồn không cần có ai, không buộc ai nghe, cũng không đòi ai phải có gì.

Thế rồi, những ngón tay ông thoăn thoắt rung, nhún... Tiếng đàn ngân lên. Người đàn lặng lẽ đàn. Người nghe lặng lẽ nghe. Bản đàn dứt, cây đàn được gác qua một bên và hai người bắt đầu hỏi thăm nhau. Câu chuyện dần dần đậm đà.

Ông Giáo nói:

– Cây đàn bầu này, còn gọi là nam cầm. Tục truyền, do Chưởng cơ lãnh Hình bộ sự là Tôn Thất Dục chế ra. Ông Dục là người học rộng, có tài thao lược, ngay thẳng, bị Trương Phúc Loan vu cho tội mưu phản. Vì không có chứng cứ, bị bãi về. Từ đó, tuyệt nhiên không nói đến việc nước, chỉ ngày ngày làm thơ, ngâm vịnh, trau dồi âm nhạc và thuật số. Cũng có thuyết nói, Trương Phúc Loan vu việc mưu phản cho Tôn Thất Dục không có bằng chứng, bèn lấy việc làm súng riêng tạo ra cái cơ, bắt giam. Ông ấy chết trong ngục.

Người đánh đàn thở dài:

– Một người như vậy mà bị hại!

– Một người như vậy bị hại là lẽ đương nhiên.  
– Lẽ đương nhiên à? Đương nhiên ở chỗ nào? Người đánh đàn thắc mắc.  
Ông Giáo đổi thế ngồi trên võng, đáp thông thả:  
– Sống trong thời ly loạn như thế, với kẻ cầm vận nước là Trương Phúc Loan thì Tôn Thất Dục có rất nhiều tội. Học rộng là một tội. Có tài thao lược là một tội. Ngay thẳng là một tội. Giỏi thuật số, âm nhạc, thơ phú, là một nghệ sĩ... bao nhiêu tội nữa. Lộng thần có thể mua chuộc kẻ học rộng, tài cao, nhưng không thể mua chuộc người ngay thẳng, không thể mua chuộc một nghệ sĩ chân chính. Tôn Thất Dục bị bãi chức, hay phải nhận cái chết trong ngục là việc ắt phải đến, là lẽ đương nhiên vậy.

\*\*\*

Hơn nửa năm sau... Người đánh đàn quờ quạng theo ngõ hẻm đi vào nhà ông Giáo. Trước mặt, sau lưng... bảy tám đứa trẻ tranh nhau dẫn đường, tranh nhau chỉ lối. Chào ông Giáo xong, người đánh đàn nói bằng tất cả sự tôn kính tròn vẹn:

– Tôi đến để cảm ơn thầy giáo. Tôi định mua một gói trà đến tạ thầy, nhưng chạnh nghĩ đồng tiền của tôi là đồng tiền hành khát, sợ như vậy thất lễ với thầy. Ông Giáo ngạc nhiên trước thái độ và lời lẽ người đánh đàn, dù ông ta ngồi xuống chiếc ghế thấp giữa vuông sân đã khuất nắng. Sau một tách trà mới pha do ông Giáo mời, người đánh đàn nói:

– Thú thật với thầy giáo, bấy lâu với cây đàn bầu này, những đồng tiền bố thí của bà con cũng đủ nuôi tấm thân tàn phế. Nhưng tôi chỉ đàn để mà đàn thôi. Nói cho đúng ra là chỉ để kiếm miếng cơm. Từ hôm được nói chuyện với thầy giáo nơi gốc si đình cũ, được biết cây nam cầm do vị Chưởng cơ uyên bác, đức độ, đồng thời cũng là một nghệ sĩ tài hoa chế ra, thì đầu óc tôi sáng suốt hẳn lên. Có những buổi chiều, dò bước trên đồng vắng, bỗng tôi dừng lại, ngồi xuống vệ đường và đánh đàn. Tôi lắng nghe và cảm thấy như tinh anh người xưa chiếu rọi vào tim gan, dạy tôi rằng, dầu là hành khát vẫn phải sống cho ra một con người. Tôi lại nghĩ, cây nam cầm từng theo bước lưu dân, tổ tiên ta từ Phú Xuân đến Hà Tiên, trải từng chặng sơn lam chướng khí, cạp sáu muối mòng, biết bao nhiêu nỗi buồn ẩn trong niềm vui, và niềm vui nào cũng do những nỗi buồn tích lại. Vui và buồn, mồ hôi, máu và nước mắt, đổ vào chỉ một dây này đây. Tôi đã mang đàn đi xa hơn, tận các vùng quê hẻo lánh. Tôi đánh đàn cẩn trọng, được người nghe đàn cảm thông. Số tiền bố thí tuy ít, có khi chỉ là một chén trà đã nguội, một nhúm thuốc rê mới xắt, vừa sao còn hơi ẩm, nhưng lòng tôi thanh thản hơn những khi lân la ở các quán rượu, bám theo đám thực khách quyền thế và giàu có, đòi hỏi phải cho khá khá mới chịu buông tha. Thật là nhục nhã! Chẳng trách được tiếng đàn của tôi lúc ấy chỉ đơn điệu mấy âm thanh từng tưng ô trọc. Bây giờ, để tạ ơn thầy giáo, tôi xin dạo qua đôi khúc để mong thầy thẩm định.

Người đánh đàn ngưng lại, đầy xúc động.

Ông Giáo định bảo rằng chính ông phải tạ ơn người đánh đàn về bài học chiều nay ông vừa nhận được, ông muốn nói nhiều, cả những điều chưa kịp nghĩ ra, nhưng người đánh đàn đã cho âm sắc ngân lên. Qua những hò xang xé, ông

Giáo kịp hiểu đó là điệu trường đoản cú cú ca, bài Đề tranh sơn thủy của Ngô Dung. Ông gật gù dò theo...

Vàng đá trắng

Khóm thông già

Màu nhạt nhẽo

Về đậm đà...

Không ra khỏi cửa năm ba bước

Xem hết non sông muôn dặm xa...

Người đánh đàn chuyển sang điệu Tây giang nguyệt, bài Than việc đời...

Trên bến ngư tiêu đầu bạc trắng

Trăng trong gió mát quen mùi

Một bầu rượu nhạt mượn làm vui

Bao nhiêu chuyện kim cổ

Cùng nói để chung cười...

Bây giờ đến điệu tứ đại cảnh, bài Gặp anh hùng... Người nghe đàn ngồi im.

Người đánh đàn cũng quên hết, không biết là mấy ngón tay mình đang thoăn thoắt, diu dặt. Chỉ có những âm thanh hò xư xang xể cống liu... réo rắt hòa quyện trong bóng chiều tĩnh mịch. Cả hai đều không biết rằng sân nhà ông Giáo đang đông đảo những người dân phố cũ. Già có, trẻ có, kẻ đứng người ngồi, không một ai thở mạnh...

*Trần Huyền Ân*

(Trích từ tập truyện Gió sang ngày, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Phú Yên – 2025)